ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ III NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 242/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của UBND xã Minh Tân)

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
	TỔNG CHI	**18,733,000,000**	**11,300,000,000**	**7,433,000,000**	**11,036,230,160**	**9,634,507,913**	**1,401,722,247**	**58.913**	**85.261**	**18.858**
1	Chi công tác dân quân, trật tự ATXH	359,952,000	0	359,952,000	46,594,800	0	46,594,800	12.945		12.945
	Chi dân quân tự vệ	151,152,000		151,152,000	40,294,800		40,294,800	26.658		26.658
	Chi trật tự an toàn xã hội	208,800,000		208,800,000	6,300,000		6,300,000	3.017		3.017
2	Chi giáo dục	0			0					
3	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	0			0					
4	Chi y tế	28,080,000		28,080,000	17,550,000		17,550,000	62.500		62.500
5	Chi văn hóa, thông tin	10,210,000,000	9,200,000,000	1,010,000,000	2,520,000		2,520,000	0.025	0.000	0.250
6	Chi phát thanh, truyền thanh	39,720,000		39,720,000	5,616,000		5,616,000	14.139		14.139
7	Chi thể dục, thể thao	10,000,000		10,000,000	0		0	0.000		0.000
8	Chi bảo vệ môi trường	120,000,000		120,000,000	0		0	0.000		0.000
9	Chi các hoạt động kinh tế	2,655,000,000	2,100,000,000	555,000,000	9,648,497,913	9,634,507,913	13,990,000	363.409	458.786	2.521
	Giao thông	500,000,000		500,000,000	9,228,551,376	9,228,551,376	0			0.000
	Nông lâm- thuỷ lợi- hải sản	55,000,000		55,000,000	13,990,000		13,990,000			25.436
	Thị chính	0		0	355,956,537	355,956,537				
	Các hoạt động kinh tế khác	0			50,000,000	50,000,000				
10	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	4,421,836,000		4,421,836,000	1,289,549,447		1,289,549,447	29.163		29.163
11	Chi cho công tác xã hội	137,412,000		137,412,000	25,902,000		25,902,000	18.850		18.850
12	Chi khác	0		0						
13	Dự phòng	751,000,000		751,000,000						0.000
14	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau									